

Số: 91 /KH-UBND

Phú Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 08 CTr/TU ngày 26/4/2016 về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÚ YÊN

ĐẾN

Số:

Ngày:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 08-CTr/TU ngày 26/4/2016 về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; khai thác tiềm năng lợi thế, sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên để phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và cải thiện nhanh đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần thực hiện thành công Nghị quyết của tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI, giai đoạn 2015-2020.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 08-CTr/TU phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương; trong đó tiếp tục tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 16/11/2010 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh và các văn bản có liên quan.

3. Xác định cụ thể các nhiệm vụ, thời gian hoàn thành và phân công phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch, làm cơ sở để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 08-CTr/TU.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.

- Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các hoạt động thực hiện kế hoạch của đơn vị để phổ biến và quán triệt Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 08-CTr/TU và Kế hoạch của UBND tỉnh và theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể liên quan đến đơn vị để thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Các cơ quan truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng, các trang điện tử của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức đưa tin về thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh nhằm thống nhất nhận thức và tạo đồng thuận xã hội trong triển khai nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Đề cao vai trò của nông dân, ngư dân và doanh nhân, doanh nghiệp xem đây là các chủ thể quan trọng của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, góp phần phát huy tiềm năng lợi thế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh phong trào thi đua “Toàn ngành Nông nghiệp và PTNT chung sức thực hiện tái cơ cấu ngành, xây dựng nông thôn mới”; “Chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến có đóng góp tích cực, hiệu quả trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Tập trung triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về tái cơ cấu theo lĩnh vực, sản phẩm chủ lực theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sau:

2.1. Lĩnh vực trồng trọt.

a) Chỉ tiêu phấn đấu:

- Giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt bình quân hàng năm tăng 2-2,5%; tỷ trọng giá trị sản xuất trồng trọt chiếm khoảng 38% vào năm 2020 của tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản.

- Giá trị sản phẩm thu được trên đơn vị diện tích đất trồng trọt đạt 110trđ/ha/năm (tăng 1,5 lần).

- Nâng dần tỷ lệ diện tích cây trồng áp dụng VietGAP và tương đương.

b) Nội dung triển khai trọng tâm:

- Phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng lãnh thổ (lúa, gạo, mía, sắn, rau hoa củ quả, hồ tiêu...).

- Kiến thiết lại đồng ruộng theo hướng tập trung diện tích, qui mô cánh đồng lớn; khuyến khích nông dân, chủ trang trại góp cổ phần bằng giá trị sử dụng đất, cho thuê đất, hợp tác liên kết tham gia cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác vào sản xuất theo chuỗi, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ giống và kỹ thuật canh tác, đặc biệt là công nghệ cao, trong đó:

+ Về giống cây nông nghiệp: Khảo nghiệm, phục tráng các giống có đặc tính tốt ở địa phương, phát triển đưa vào cơ cấu sản xuất các giống lúa, ngô, mía, sắn, rau quả, hồ tiêu...có năng suất cao, chất lượng tốt thích ứng với từng vùng sinh thái của tỉnh; kiểm nghiệm chất lượng giống nhằm bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ nông nghiệp và PTNT.

Chủ động tiếp cận và ứng dụng đưa vào sản xuất các giống biến đổi gen (ngô, đậu tương...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; tăng tỷ lệ sử dụng hạt giống cấp xác nhận trở lên, lúa lai F1 để đạt trên 90% diện tích gieo trồng lúa toàn tỉnh; kéo giảm lượng giống gieo sạ theo tập quán quá dày (trên 120kg/ha), giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho nông dân.

+ Về kỹ thuật, công nghệ áp dụng: Phát triển các vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất bền vững theo thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Triển khai các mô hình tưới cây vùng đồi (mía, sắn, hồ tiêu) theo hướng tiết kiệm nước; tăng hiệu suất sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), hóa chất nhằm giảm chi phí tăng năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

Ứng dụng rộng rãi cơ giới hóa đồng bộ vào các khâu sản xuất nông nghiệp bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng; trước hết là các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các khâu sản xuất nặng nhọc (làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...), các khâu sấy, bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch; tập trung tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất đối với lúa, ngô, mía, sắn...

c) Định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực, trong đó:

(1). Lúa gạo: Duy trì và sử dụng linh hoạt khoảng 24.000 ha chuyên trồng lúa nước (hai vụ chính); rà soát quy hoạch vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao (khoảng 10.000 ha) tập trung ở các địa bàn sử dụng nước hệ thống thủy nông Đồng Cam, xác định cơ cấu giống phù hợp với nhu cầu thị trường và đầu tư hạ tầng đồng bộ; chuyển đổi diện tích gieo trồng lúa hiệu quả thấp sang cây trồng hàng năm khác hoặc nuôi trồng thủy sản phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng sản phẩm mang lại lợi nhuận cao hơn; nâng cao tỷ lệ sử dụng giống xác nhận, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tiết kiệm giống, phân bón, nước, hạn chế sử dụng thuốc BVTV; khuyến khích nông dân tham gia vào các mô hình sản xuất liên kết, sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thu gom, tái sử dụng các phế phẩm rơm rạ, vỏ trấu...để tăng giá trị gia tăng. Sản lượng lúa đạt khoảng trên 34 vạn tấn hàng năm. Giai đoạn 2016-2020 chuyển đổi từ đất trồng lúa sang cây hàng năm trên 3.000 ha trong đó ngô 1.300ha, đậu đỗ 700ha, rau quả 960ha, cây dược liệu 100ha, trồng cỏ chăn nuôi...

(2) Cây ngô: Tập trung theo hướng tổ chức theo vùng chuyên canh có quy mô tập trung, gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm. Vận động chuyển đổi diện tích gieo trồng lúa 1 vụ hoặc đất lúa không đủ nước tưới hiệu quả thấp sang trồng ngô; áp dụng rộng rãi giống ưu thế lai, ngô chuyển gen được nhà nước cho phép; coi trọng khâu bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch.

Phấn đấu đến năm 2020, quy mô diện tích khoảng 7.000 ha canh tác, năng suất bình quân (NSBQ) đạt 05-06T/ha, tập trung các huyện Sông Hình, Sơn Hòa, Tây Hòa, Phú Hòa...Tạo điều kiện thuận lợi cho Tập đoàn INVIVO triển khai dự án trồng ngô.

(3) Cây mía: Ổn định quy mô diện tích trồng mía khoảng 23.000 ha, trong đó phát huy doanh nghiệp chế biến làm đầu mối trong liên kết sản xuất, chế biến và

tiêu thụ mía nguyên liệu của người dân trong vùng được quy hoạch (Công ty CP mía đường Tuy Hòa, Công ty TNHHCN KCP Việt Nam; Nhà máy đường ăn kiêng, tinh bột sắn, tinh bột bắp, cồn, rượu và vườn ươm giống thuộc Tổng Công ty Mía đường II). Chuyển đổi một số diện tích trồng lúa 1 vụ kém hiệu quả sang trồng mía có tuổi, hình thành những vùng thâm canh với năng suất trên 100T/ha để tăng khả năng cạnh tranh của mía đường Việt Nam; có phương án chuyển giảm diện tích mía đồi tự phát xâm lấn thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp sang trồng rừng.

(4) Cây sắn: Có phương án kéo giảm diện tích trồng sắn hiện nay xuống ở mức ổn định khoảng 11.000 ha, nhất là giảm diện tích trồng sắn xâm lấn ngoài quy hoạch sang trồng rừng; trong đó lấy doanh nghiệp chế biến tinh bột sắn làm đầu mối liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sắn nguyên liệu của nông dân trong vùng quy hoạch được phê duyệt (Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi tại Đồng Xuân, Công ty CP FOCOCEV tại Sông Hinh); hình thành những vùng sản xuất, thâm canh tăng năng suất sắn trên 40T/ha, từng bước mở rộng phương pháp tưới nước bổ sung và biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững, đáp ứng nguyên liệu chế biến tinh bột, sản phẩm bã sắn khô làm nguyên liệu thức ăn gia súc và sau tinh bột đạt hiệu quả cao.

(5) Cây hồ tiêu: Rà soát và đánh giá toàn bộ diện tích hiện có (741 ha, trong đó Tây Hòa 588 ha, Sông Hinh 125,8ha, Sơn Hòa 26,3ha), có biện pháp hạn chế phát triển hồ tiêu không phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu; tạo điều kiện phát triển Công ty CP Vina Cafe Sơn Thành thuộc Tổng Công ty cafe VN (diện tích 478 ha) làm đầu mối trong liên kết, thu mua, chế biến tiêu thụ hồ tiêu an toàn bền vững có hiệu quả theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hướng dẫn nông dân sử dụng giống mới có năng suất chất lượng cao, phù hợp với thổ nhưỡng; áp dụng quy trình sản xuất cây hồ tiêu được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành theo chuẩn VietGAP hoặc tương đương và biện pháp phòng trừ hữu hiệu các loại dịch bệnh hại. Tổ chức điều tra, khảo sát xây dựng bản đồ thích nghi để làm cơ sở phát triển diện tích cây hồ tiêu đảm bảo các điều kiện sản xuất an toàn bền vững, có hiệu quả đưa vào quy hoạch khoảng 1.000ha. Ưu tiên xem xét chuyển đổi đất vùng trồng cafe kém hiệu quả sang trồng hồ tiêu cho phù hợp với thị trường và điều kiện đất đai.

(6) Rau hoa, quả và cây dược liệu: Phát triển hình thành vùng sản xuất tập trung cây trồng chủ lực gắn với xây dựng làng, xã nông thôn mới; tập trung hướng dẫn nông dân nâng cao việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, thâm canh, rải vụ, tăng năng suất, chất lượng an toàn thực phẩm phục vụ đô thị, phục vụ công nghiệp chế biến, phục vụ du lịch...và nâng cao hơn nữa tỷ lệ diện tích đạt giá trị sản phẩm thu được từ 100trđ/ha/năm trở lên.

2.2 Lĩnh vực chăn nuôi.

a) Chỉ tiêu phấn đấu:

- Giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi bình quân hàng năm tăng 4,2%; tỷ trọng giá trị sản lượng chăn nuôi chiếm khoảng 19% vào năm 2020 của tổng giá trị sản xuất ngành nông-lâm-thủy sản.

- Phấn đấu đến năm 2020 đàn bò toàn tỉnh khoảng 190.000 con, trong đó đàn bò lai chiếm 70% tổng đàn; đàn lợn (không tính lợn sữa) khoảng 150.000 con; ổn định đàn gia cầm khoảng 3,5 triệu con/năm; sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm

xuất chuồng hàng năm đạt khoảng 43.000 tấn; sản lượng trứng gia cầm hàng năm đạt khoảng 180 - 200 triệu quả.

- Nâng tỷ lệ đàn vật nuôi được chăn nuôi theo hình thức công nghiệp; trang trại, gia trại quy mô lớn.

- Nâng tỷ lệ xã đạt tiêu chí an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi.

b) Nội dung triển khai trọng tâm:

- Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung trang trại, gia trại và các cơ sở chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với quy mô phù hợp; chuyển dần chăn nuôi từ vùng mật độ dân số cao (đồng bằng) đến nơi có mật độ dân số thấp (bán sơn địa, miền núi), chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng đàn bò lai, bò sữa chất lượng cao, heo siêu nạc, gà, vịt siêu thịt, siêu trứng.

Phân đầu hình thành 82 vùng chăn nuôi tập trung với diện tích 4.250ha được quy hoạch; trong đó huyện Đồng Xuân 930ha (22 vùng); huyện Phú Hoà 900ha (09 vùng); huyện Sông Hinh 750ha (06 vùng)... phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững gắn với an toàn sinh học và gắn với xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung, phân đầu đến năm 2020 nâng cấp và xây dựng mới 43 điểm giết mổ tập trung, trong đó có 03 điểm giết mổ công nghiệp, bình quân mỗi đơn vị cấp huyện từ 03-05 cơ sở.

- Tiếp tục phát triển mô hình trồng cỏ nuôi bò thịt thâm canh, nhân rộng một số đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế cao, quản lý chặt chẽ các cơ sở giết mổ tập trung gắn với các địa bàn chăn nuôi đạt yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ giống và kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao, trong đó:

- + Về giống vật nuôi: Xây dựng hệ thống quản lý về đực giống vật nuôi cấp tỉnh, tổ chức thường xuyên công tác giám định, bình tuyển, loại thải đực giống không đủ tiêu chuẩn. Nhập tinh con giống gia súc, gia cầm mới, tinh gia súc (bò, lợn) có chất lượng cao phục vụ công tác chọn lọc, lai tạo nâng cao năng suất đàn gia súc, gia cầm trong tỉnh;

Chú trọng các cơ sở sản xuất giống vật nuôi của tỉnh, trong đó: Xây dựng mới và nâng cấp trang trại thực nghiệm giống gia súc Hòa Thắng (Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi) để cung ứng giống lợn; tạo điều kiện thuận lợi phát triển chuồng trại nhân giống bò (Công ty Cổ phần chăn nuôi Thảo Nguyên Phú Yên) và các cơ sở sản xuất giống vật nuôi khác hiện có của tư nhân

- + Về kỹ thuật công nghệ áp dụng: Đối với chăn nuôi bò thịt, tập trung áp dụng kỹ thuật thích hợp, hiện đại từ khâu giống, sản xuất chế biến thức ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng, tạo ra giá trị gia tăng cao, có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

Đối với chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung áp dụng kỹ thuật thích hợp, hướng đến hiện đại trong đó áp dụng công nghệ đệm lót sinh học, xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học, sử dụng men vi sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tại chỗ và nội địa.

Đối với sản xuất quy mô nhỏ, chăn nuôi nông hộ đang còn phổ biến hiện nay, khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến, sử dụng thức ăn từ nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp chế biến sẵn có tại địa phương; liên kết hợp tác đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi lợn với Công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường công tác thú y, kiểm dịch vật nuôi để bảo vệ đàn gia súc gia cầm trong từng vùng, hình thành hệ thống dịch vụ thú y, kiểm soát, chủ động đảm bảo an ninh sinh học, nhất là cấp cơ sở tại các vùng chăn nuôi tập trung. Tổ chức tiêm phòng đầy đủ các loại vaccin theo quy định, vệ sinh thú y đạt hiệu quả để phòng chống các loại dịch bệnh ở vật nuôi; chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, dập tắt ngay các ổ dịch và vùng chưa có dịch bệnh xảy ra; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh và vùng an toàn dịch bệnh.

Thường xuyên thanh kiểm tra các cơ sở kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, tuyên truyền, phổ biến các hóa chất cấm trong chăn nuôi đến các doanh nghiệp, nông dân chăn nuôi nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trong chăn nuôi.

c) Định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực, trong đó:

(1) Chăn nuôi bò: Khuyến khích chăn nuôi bò thịt, bò sữa theo hình thức quy mô lớn, gia trại an toàn, bền vững, gắn với phát triển trồng cỏ để bảo đảm nguồn thức ăn; ưu tiên đầu tư cho công tác cải tạo giống để nâng cao thể vóc, chất lượng đàn bò, sản xuất theo chuỗi giá trị. Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung tại các huyện: Sông Hình, Sơn Hòa, Tây Hòa, Đồng Xuân..., tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Thảo Nguyên Phú Yên triển khai Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa trên địa bàn tỉnh.

(2) Chăn nuôi lợn: Phát triển theo phương thức nuôi tập trung, công nghiệp theo hình thức trang trại, doanh nghiệp là chủ yếu gắn với an toàn dịch bệnh. Mở rộng hình thức hợp tác đầu tư chăn nuôi heo giữa hộ nông dân với Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam. Phát triển lợn thịt giống ngoại, hướng nạc và chất lượng giống trên cơ sở mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo, để nâng cao giá trị ngành chăn nuôi; trong đó vùng nuôi tập trung tại các huyện: Phú Hòa, Đông Hòa, Tây Hòa, Sông Hình, Tuy An, Đồng Xuân, thị xã Sông Cầu gắn với các giải pháp xử lý triệt để các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

(3) Chăn nuôi gia cầm: Phát triển đàn gia cầm theo mô hình trang trại, gia trại theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, trong đó tập trung ở các huyện: Đông Hòa, Tây Hòa, Phú Hòa, Tuy An, TP Tuy Hòa, TX Sông Cầu...

2.3 Lĩnh vực lâm nghiệp.

a) Chỉ tiêu phấn đấu:

- Giá trị sản xuất lĩnh vực lâm nghiệp bình quân hàng năm tăng 8,8%; cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp là 15% giá trị dịch vụ môi trường rừng, 25% giá trị sản xuất lâm sinh và 60% giá trị khai thác và chế biến đồ gỗ và lâm sản khác; đến năm 2020 tỷ trọng giá trị sản lượng lâm nghiệp chiếm 2% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông- lâm- thủy sản.

- Phấn đấu trồng mới rừng tập trung bình quân mỗi năm trồng khoảng 6.000ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng khoảng 10%, rừng sản xuất khoảng 90%;

- Nâng tỷ lệ diện tích rừng sản xuất đạt năng suất từ 150m³/ha/chu kỳ 07 năm trở lên;
- Nâng độ che phủ của tán rừng (bao gồm rừng và cây lâu năm có tác dụng phòng hộ như cây rừng) đạt 45% so với tổng diện tích tự nhiên;
- Nâng dần tỷ lệ diện tích rừng được quản lý bền vững có xác nhận chứng chỉ FSC.

b) Nội dung triển khai trọng tâm:

- Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững; điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người làm nghề rừng; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển rừng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu tập trung cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến. Xây dựng và quản lý ổn định rừng đặc dụng nhằm phát huy hiệu quả bảo tồn nguồn gen, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, nâng cao giá trị dịch vụ du lịch sinh thái. Mở rộng đối tượng áp dụng phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý rừng bền vững của tổ chức cấp chứng chỉ trong nước hoặc của tổ chức quốc tế đối với rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

- Tăng năng lực, hiệu lực bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, khuyến khích các cộng đồng tham gia quản lý rừng tự nhiên và các khu rừng ven biển (trên cạn, ven đầm vịnh, ngập mặn) đã được phục hồi theo mô hình đồng quản lý góp phần nâng cao sinh kế và thu nhập cho người dân, và những đối tượng khác được hưởng lợi thông qua phí dịch vụ môi trường rừng.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các dự án trồng rừng thuộc Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC theo Đề án Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015.

- Triển khai đầy đủ các hoạt động dịch vụ môi trường rừng bao gồm cả thị trường cacbon, ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi, giám sát tài nguyên môi trường rừng, tiềm năng dịch vụ môi trường rừng.

- Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ giống và kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao, trong đó:

+ Về giống cây lâm nghiệp: Tập trung thực hiện hệ thống rừng giống, vườn giống, vườn ươm giống cây lâm nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh; trong đó ứng dụng rộng rãi công nghệ nuôi cấy mô để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt, hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng giống theo hướng xã hội hóa bảo đảm các nguồn giống và cơ sở sản xuất kinh doanh giống được kiểm soát chất lượng giống cây lâm nghiệp theo thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống đối với các cây trồng chính phục vụ trồng rừng kinh tế, trồng rừng phòng hộ và đặc dụng.

Rà soát, phát hiện và khuyến nghị loại bỏ những giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng thấp không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, phòng hộ và thị trường; khảo nghiệm các giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu kinh doanh gỗ lớn, thúc đẩy hoạt động chuyển giao các giống mới vào sản xuất.

+ Về công nghệ, kỹ thuật: Áp dụng rộng rãi kỹ thuật lâm sinh nhất là mật độ trồng phù hợp, đào hố đúng kỹ thuật, bón lót phân đầy đủ, chăm sóc rừng theo quy trình kỹ thuật; kỹ thuật chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn, trồng lại rừng sau khai thác, trồng rừng mới theo hướng thâm canh, giá thành phù hợp cho từng nhóm cây trồng ở các điều kiện lập địa khác nhau để chuyển giao vào thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giá trị rừng trồng sản xuất của các doanh nghiệp, các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong đó tập trung 02 nhóm loài cây sinh trưởng nhanh (keo các loại, bạch đàn...) và sinh trưởng chậm (dầu rái, sao đen, xà cừ, thanh thất...). Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng lâm nghiệp, đặc biệt là hệ thống đường lâm nghiệp nội vùng, đường băng cản lửa và phương tiện, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng.

+ Chuyển đổi cơ cấu sử dụng nguyên liệu chế biến lâm sản từ khai thác sản phẩm gỗ non xuất khẩu dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn cung ứng nguyên liệu cho chế biến gỗ dân dụng (gỗ xây dựng mộc nội địa, mộc xuất khẩu), chế biến tinh (sản xuất ván MDF, ván ghép thanh, viên gỗ nén).

+ Từng bước phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến gỗ ở các vùng nông thôn và làng nghề truyền thống, góp phần đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp và nông thôn, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng nhà máy ở các huyện miền núi Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh và huyện Tây Hòa để góp phần thúc đẩy CNH, HĐH nông thôn miền núi, phát triển dân trí, tạo công ăn việc làm cho người dân và phát triển các dịch vụ hỗ trợ.

2.4 Lĩnh vực thủy sản.

a) Chỉ tiêu phấn đấu:

- Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản bình quân hàng năm tăng 4,6%; tỷ trọng giá trị sản lượng thủy sản chiếm khoảng 37% vào năm 2020 của tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản.

- Sản lượng đánh bắt hàng năm đạt khoảng 54.000 tấn, trong đó cá ngừ đại dương khoảng 6.500 tấn.

- Sản lượng nuôi trồng hàng năm đạt khoảng 13.500 tấn, trong đó tôm hùm khoảng 800 tấn.

- Giá trị sản phẩm thu được trên đơn vị mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 01 tỷ đồng/ha/năm (tăng 1,5 lần).

- Nâng tỷ lệ nuôi trồng thủy sản áp dụng theo chuẩn VietGAP và tương đương.

- Nâng tỷ lệ tàu cá hoạt động an toàn.

b) Nội dung triển khai trọng tâm:

Tập trung thực hiện Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành thủy sản tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh, trong đó:

- Nuôi trồng thủy sản:

+ Tiếp tục ổn định quy mô diện tích nuôi trồng được quy hoạch khoảng 11.095ha, trong đó diện tích ao đầm nước lợ 2.171,67ha (TX Sông Cầu 849,78ha, huyện Tuy An 369,2ha, huyện Đông Hoà 952,69ha); diện tích mặt nước biển: 1.650ha (TX Sông Cầu

1.000ha, huyện Tuy An 650ha); diện tích ao đìa nước ngọt 188,17ha (huyện Tuy An 30ha, huyện Đông Hoà 30ha, huyện Tây Hoà 32,38ha, huyện Sông Hinh 76,47ha, huyện Sơn Hoà 7,17ha); diện tích sản xuất giống 85,04ha; diện tích mặt nước lớn, hồ thủy điện, thủy lợi nuôi nước ngọt 7.000ha; điều chỉnh bổ sung quy hoạch diện tích mặt nước biển nuôi tôm hùm khu vực Vũng Rô, xã Hoà Xuân Nam, huyện Đông Hoà (khoảng 100ha), vùng nuôi tôm nước lợ khu vực sông Ngọn xã Hoà Hiệp Nam, huyện Đông Hoà (khoảng 80ha). Từng bước phát triển nuôi trồng trên biển, phát triển các vùng nuôi thủy sản công nghiệp công nghệ cao, chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng.

Phát triển mạnh các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, dễ mở rộng thị trường tiêu thụ, trong đó tập trung nuôi tôm thẻ chân trắng trên địa bàn huyện Đông Hoà; nuôi tôm sú trên địa bàn huyện Tuy An và TX Sông Cầu; nuôi tôm hùm, cá biển ở TX Sông Cầu, huyện Tuy An, huyện Đông Hoà...

+ Về giống: Nâng cao năng lực chọn tạo và quản lý giống, bảo đảm 90% nhu cầu giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực (tôm sú, tôm thẻ, tôm hùm, cá rô phi, cá hồng, cá chình trắng, cua biển...), trong đó khai thác lợi thế từ nguồn giống tự nhiên như: Tôm hùm giống ở vùng biển Sông Cầu, Tuy An, cá chình trắng ở Tuy An. Khuyến khích, tạo điều kiện các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn, tiếp tục áp dụng một số công nghệ sản xuất giống có năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao, phù hợp nhu cầu nuôi, giống sạch bệnh. Nhân rộng các mô hình, các nhiệm vụ khoa học nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm về giống đạt hiệu quả, thiết thực vào sản xuất.

+ Về công nghệ, quy trình kỹ thuật áp dụng: Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng con giống, chuyển giao công nghệ sản xuất và nhân rộng các mô hình nuôi đạt hiệu quả. Hướng đến áp dụng “thực hành nuôi trồng thủy sản sạch”; nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP, GMP...), nuôi trồng thủy sản có chứng nhận (MSC). Khuyến khích áp dụng kỹ thuật nuôi theo quy trình VietGAP, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, phương pháp nuôi công nghiệp, áp dụng thâm canh, công nghệ cao và theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiếp tục đa dạng hoá đối tượng và phương thức nuôi theo vùng được quy hoạch; xây dựng những mô hình nuôi tôm cao triều thâm canh cao và tổ chức nhân rộng mô hình nuôi hiệu quả để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện các huyện miền núi, góp phần bổ sung sinh kế tạo điều kiện giảm nghèo bền vững.

+ Tăng cường công tác khuyến ngư; tổ chức tốt việc kiểm dịch, quản lý chất lượng giống, thức ăn, thuốc phòng bệnh thủy sản nuôi, thực hiện tốt công tác quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát chặt chẽ việc ảnh hưởng từ nuôi trồng thủy sản đến ô nhiễm nguồn nước và phá hủy môi trường sống. Nhân rộng mô hình nuôi liên kết với doanh nghiệp; phát triển hệ thống tư thương, thu mua, kết nối với các nhà máy chế biến, các chợ, siêu thị trong tỉnh và thị trường ngoài tỉnh để tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Về khai thác, đánh bắt thủy sản: Giảm dần tỷ trọng khai thác thủy sản ven bờ (từ 6 hải lý trở vào); chuyển dần khai thác bằng tàu công suất nhỏ dưới 90CV hoạt động gần bờ sang khai thác bằng tàu công suất lớn trên 90CV hoạt động xa bờ, theo hướng khai thác các đối tượng có giá trị kinh tế cao như: Cá ngừ đại dương, cá ngừ vằn, cá thu, cá cò, mực...; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với doanh nghiệp và thị trường.

Từng bước hiện đại hoá đội tàu cá đánh bắt xa bờ (máy định vị vệ tinh, máy đàm thoại, trang bị phục vụ khai thác như: Máy dò ngang, máy dò đứng, máy tời, máy thu lưới, máy phát ánh sáng, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản sản phẩm thủy sản trên tàu...) để tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm đánh bắt, rút ngắn thời gian chuyển biến và giảm tỷ lệ thất thoát và phẩm cấp sản phẩm (giảm tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản từ trên 20% hiện nay xuống dưới 10% vào năm 2020). Phát triển lĩnh vực đóng, sửa tàu cá, máy móc thiết bị ngư lưới cụ, hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần thủy sản đồng bộ, kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền. Cung cấp kịp thời thông tin về điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường, áp dụng các tiến bộ công nghệ tin học, thông tin quản lý nghề cá, kiểm ngư.

- Khuyến khích chuyển đổi lao động và phương tiện khai thác gần bờ ra xa bờ; tổ chức các dịch vụ hậu cần trên biển và tại các trung tâm nghề cá, các cảng, bến cá, chợ cá; áp dụng các thiết bị khoa học công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng thủy đặc sản địa phương (cá ngậm tằm, cá tươi sống, cá ngựa, sò huyết, rong câu...).

- Về chế biến, tiêu thụ thủy sản: Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến và xuất khẩu, gắn với phát triển nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu. Trong đó giảm dần chế biến thô và sơ chế, nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng giá trị gia tăng, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến và thị trường tiêu thụ phù hợp với thị hiếu, văn hoá tiêu dùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của địa phương; mở rộng áp dụng hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo ISO, HACCP, GMP, SSOP...; nghiên cứu và đầu tư ứng dụng công nghệ trong bảo quản và chế biến sau thu hoạch (công nghệ cấp đông sản phẩm CAS...), giảm tỷ lệ thất thoát và tiêu thụ có giá trị cao. Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong môi liên kết chuỗi sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại sản phẩm thủy sản để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ngư dân khai thác.

- Tăng cường công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm sản phẩm thủy sản được sản xuất, tiêu thụ ổn định, bền vững, trong đó:

- + Rà soát các điều kiện sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cảng cá, bến cá, vùng nuôi trồng thủy sản, các cơ sở chế biến thủy sản;

- + Tăng cường kiểm tra giám sát chất lượng vật tư đầu vào và môi trường trong nuôi trồng thủy sản, dịch bệnh thủy sản;

- + Triển khai VietGAP hoặc tương đương tại các tất cả các vùng nuôi trồng thủy sản, nâng cao tỷ lệ diện tích vùng nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương;

- + Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái biển có giá trị kinh tế cao như rạn san hô, cỏ biển...để tạo cảnh quan, môi trường sinh thái, bãi đẻ thủy sản...

- c) Định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực cá ngừ đại dương, tôm sú, tôm thẻ chân trắng và tôm hùm:

- (1) Về sản phẩm cá ngừ đại dương tập trung vào một số hoạt động sau:

Áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và bảo quản sau thu hoạch sản phẩm cá ngừ để giữ chất lượng, độ tươi của cá trên từng con tàu, trong khâu vận chuyển, tiêu thụ nhằm nâng cao giá cá bán ra thị trường;

Tổ chức các đội tàu cung ứng dịch vụ hậu cần trên biển, do doanh nghiệp chế biến thủy sản làm nòng cốt, liên kết với các đoàn tàu khai thác cá ngừ của ngư dân, tạo khả năng tăng thời gian của đội tàu đánh bắt trên biển, giảm chi phí sản xuất, sớm đưa cá về bờ trong điều kiện bảo quản tốt, giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng hiệu quả chuỗi giá trị;

Xây dựng cảng cá ngừ chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngừ tỉnh;

Hợp tác liên kết, tạo thuận lợi để Công ty TNHH Hokugan Nhật Bản triển khai dự án thu mua, chế biến cá ngừ đại dương;

Truy cập và phổ biến hệ thống thông tin và dịch vụ thông tin đàn cá di cư trên vùng biển Việt Nam và thị trường cá ngừ trong nước và quốc tế cho ngư dân và doanh nghiệp SXKD cá ngừ đại dương để khai thác và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả;

Tạo điều kiện và hỗ trợ việc triển khai thí điểm mô hình tổ chức chuỗi liên kết khai thác thu mua chế biến và tiêu thụ cá ngừ của Công ty Cổ phần Bá Hải được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 17/4/2015; và vận động, nhân rộng mô hình chuỗi liên kết đối với các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, chế biến kinh doanh thủy sản khác trên địa bàn tỉnh.

(2) Về sản phẩm tôm hùm tập trung vào một số hoạt động sau:

Khai thác bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống: Nguồn tôm hùm giống chủ yếu khai thác từ các rạn san hô, cỏ biển, gành, đá...bãi tự nhiên tại địa phương ven biển và nhập mua từ nơi khác. Ở Phú Yên tập trung từ đầu tháng 11 đến tháng 4 năm sau, sản lượng giống biến động khoảng 800-1,5 triệu con giống/vụ và phụ thuộc vào điều kiện sóng, gió, thủy triều...việc khai thác giống cần được kiểm soát chặt chẽ, nhất là tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ của cấp xã để bảo vệ nguồn lợi tôm hùm giống tự nhiên;

Tăng cường kiểm tra giám sát đồng bộ quá trình từ nuôi ương, nuôi thương phẩm và dinh dưỡng đối với tôm nuôi từng thời kỳ (hiện nay thức ăn cho tôm hùm nuôi chủ yếu là thức ăn tươi sống như động vật giáp xác, thân mềm, các loài cá tạp...). Khuyến cáo người nuôi chú trọng đến việc vệ sinh thức ăn trong quá trình nuôi, mật độ thả nuôi, kiểm tra chất lượng con giống bằng các xét nghiệm hay kiểm dịch;

Chủ động đối phó, phòng trừ dịch bệnh tôm hùm nhất là “bệnh sữa”; tăng cường kiểm tra kiểm soát việc kinh doanh và sử dụng các loại thuốc thú y, hóa chất trong quá trình nuôi. Xây dựng phương án bố trí sắp xếp lồng bè phù hợp từng vùng nuôi.

UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản, xây dựng phương án bố trí sắp xếp lồng bè phù hợp từng vùng nuôi, các tổ quản lý cộng đồng nuôi tham gia việc đánh số, quản lý lồng bè nuôi tôm hùm, xử lý chất thải (xác tôm, cá, vỏ tôm, thức ăn thừa, vỏ sò, ốc, bao ny lông...) bảo vệ môi trường vùng nuôi bền vững;

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm thủy sản, mở rộng các đại lý, các kênh bán hàng, bán thẳng vào các nhà hàng, siêu thị, các khu du lịch cao cấp, các thị trường nhập khẩu tôm hùm; ứng dụng khoa học

công nghệ bảo quản hiện đại nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm tôm hùm tươi sống và phát triển thương hiệu tôm hùm Phú Yên.

(3) Về sản phẩm tôm nuôi nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), tập trung vào một số hoạt động sau:

Chủ động sản xuất giống và quản lý chất lượng con giống (tôm sú, tôm thẻ chân trắng) sạch bệnh, bảo đảm đủ giống về số lượng và có chất lượng cao cung cấp cho các người nuôi tôm trong tỉnh phù hợp mùa vụ sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp SX giống có sự liên kết, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu tôm giống, kiểm soát chất lượng giống sạch bệnh, cung ứng cho các vùng nuôi trong và ngoài tỉnh;

Các cơ quan thuộc ngành Thú y, Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản tăng cường kiểm soát và khuyến cáo trong các khâu sản xuất, chất lượng con giống, quá trình vận chuyển, cung ứng tới người nuôi đúng quy trình, công khai, minh bạch để bảo đảm quyền lợi người sản xuất, hiệu quả chuỗi sản xuất. Thường xuyên phòng trừ dịch bệnh, chủ động đối phó, giảm thiểu tối đa rủi ro, thiệt hại do dịch bệnh gây ra;

Tăng cường kiểm tra, giám sát đồng bộ quá trình sản xuất, cung ứng thức ăn cho tôm bảo đảm chất lượng ATVSTP; khuyến khích sản xuất bột cá, thức ăn phục vụ nuôi tôm từ nguồn nguyên liệu sẵn có ở tỉnh nhằm giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng chuỗi sản phẩm nuôi tôm.

Áp dụng các phương thức nuôi kỹ thuật tiên tiến, tiết kiệm nước, tuần hoàn khép kín, thân thiện môi trường, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất nuôi tôm;

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản phẩm chế biến từ tôm, nâng cao tỷ lệ các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ tôm đạt mức 50%.

2.5 Lĩnh vực diêm nghiệp.

Tập trung triển khai thực hiện có kết quả các nội dung của Quy hoạch sản xuất, chế biến và lưu thông muối tỉnh Phú Yên đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030 được phê duyệt (Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh), trong đó: áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất muối, nhân rộng phát triển sản xuất muối có trải bạt, thực hiện cơ giới hóa quá trình thu hoạch, vận chuyển nhằm nâng cao năng suất, chất lượng muối thô. Chú trọng kho bãi, bảo quản muối, giảm tổn thất sau thu hoạch.

Tổ chức sản xuất theo hướng cũng cố, hỗ trợ hoạt động HTX muối Tuyết Diêm-Xuân Bình, HTX Kinh doanh DV tổng hợp nông nghiệp Xuân Phương trong tổ chức sản xuất, thu mua, bảo quản và chế biến sản phẩm cung cấp cho thị trường.

Đầu tư cải tạo nâng cấp đồng muối gắn với thu hút đầu tư chế biến tiêu thụ sản phẩm muối. Phấn đấu đến năm 2020 đưa vào sản xuất diện tích 220ha (trong đó muối sạch khoảng 50%), sản lượng khoảng 30.000 tấn/năm trở lên.

2.6 Lĩnh vực thủy lợi.

- Tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, chủ động tưới tiêu theo hướng hiện đại và dân sinh; nâng tỷ lệ diện tích tưới tiêu công nghệ cao; bảo đảm khai thác, vận hành có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, nước sạch nông thôn. Triển khai thực hiện Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh ban hành “Kế hoạch triển khai thực hiện

Đề án án Tái cơ cấu ngành thủy lợi theo Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT”, trong đó tập trung các nhiệm vụ:

- Cùng cố, phát triển thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng nông thôn mới, đáp ứng các phương thức canh tác tốt để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm thấp chi phí sản xuất, đáp ứng linh hoạt yêu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập của nông dân.

- Cùng cố các tổ chức, quản lý khai thác công trình thủy lợi: Nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới cơ chế vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ; nâng cao chất lượng hệ thống công trình, chống xuống cấp, bền vững về kỹ thuật và tài chính, từng bước hiện đại hoá.

- Đẩy mạnh trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh: Lúa gạo, mía, rau, hoa quả, cà phê, hồ tiêu...

- Nâng cao mức an toàn trong công tác phòng chống thiên tai, bão, lũ, lụt, an toàn hồ đập. Chủ động phòng, chống, ứng phó hoặc thích nghi với thiên tai để hạn chế thiệt hại về người, tài sản của nhân dân và nhà nước, đảm bảo phát triển sản xuất ổn định, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững cả về quy mô kết cấu hạ tầng, mô hình quản lý và tài chính.

- Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, trong đó tập trung xây dựng các công trình được quy hoạch tại các vùng nuôi chủ lực ở huyện Đông Hoà, Tuy An, thị xã Sông Cầu, đảm bảo nguồn nước (mặn, ngọt) sạch, chủ động để nuôi trồng thủy sản theo quy trình công nghệ tiên tiến, năng suất cao và an toàn.

3. Xây dựng, nhân rộng mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở ban ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trong trồng trọt, tập trung:

- Khuyến khích và tạo thuận lợi các doanh nghiệp đầu tư liên kết hợp tác sản xuất chế biến theo chuỗi. Hướng đến được các thị trường tiềm năng đối với từng sản phẩm trồng trọt chủ yếu (lúa gạo, ngô, mía, sắn, hồ tiêu, rau quả, khóm, chuối...).

- Tiếp tục phát triển chuỗi giá trị với sự tham gia của các tổ chức nông dân (tổ hợp tác, HTX...) tham gia hệ thống cung cấp dịch vụ đầu vào cho trồng trọt (tưới tiêu, phân bón, thuốc BVTV, dịch vụ cơ giới làm đất, thu hoạch, sản xuất giống...); đẩy mạnh liên kết các hộ trong vùng sản xuất cung ứng nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến thông qua hợp đồng, thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn.

- Vận động các hộ sản xuất, các trang trại liên kết góp đất, chuyển nhượng, chuyển đổi để phát triển sản xuất tập trung, hình thành cánh đồng lớn trên cơ sở phương án sản xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc sản có giá trị kinh tế cao, phục vụ nhu cầu đời sống ngày càng cao của nhân dân trong và ngoài tỉnh như lúa chất lượng cao, hoa cây cảnh, nấm ăn, nấm dược liệu, cây dược liệu...

b) Trong chăn nuôi, tập trung:

- Khuyến khích liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm bớt chi phí sản xuất, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tiếp cận tài chính...cho doanh nghiệp, các hộ chăn nuôi chuyển đổi hình thức nuôi nông hộ sang sản xuất trang trại, sản xuất lớn hàng hóa, nuôi khép kín áp dụng công nghệ cao, hoặc liên kết giữa các trang trại, gia trại trong vùng chăn nuôi tập trung được quy hoạch. Phương thức chăn nuôi chính là trang trại, gia trại gắn với các doanh nghiệp, hỗ trợ các hộ chăn nuôi tham gia nhóm chăn nuôi để bảo vệ quyền lợi của người chăn nuôi;

- Khuyến khích các doanh nghiệp chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết hợp tác với hộ chăn nuôi, với trang trại theo chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi;

- Đào tạo dẫn tinh viên bò, lợn; đào tạo thụ tinh nhân tạo cho chủ hộ chăn nuôi lợn nái; tập huấn cho chủ trang trại, hộ chăn nuôi về tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả cao, an toàn VSTP và môi trường nuôi;

- Phát triển hình thức chăn nuôi theo hợp đồng, nâng dần tỷ trọng lợn chăn nuôi theo hợp đồng giữa gia trại chăn nuôi với các doanh nghiệp chăn nuôi công nghệ cao, phát huy liên kết hợp tác về đất đai, chuồng trại, con giống, thức ăn, chuyển giao công nghệ kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó quản lý tốt yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và sản xuất theo chuỗi cung ứng có hiệu quả.

c) Trong lâm nghiệp, tập trung:

- Khuyến khích liên kết các doanh nghiệp và các tác nhân trong các khâu trồng rừng, khai thác, chế biến và dịch vụ để hình thành chuỗi giá trị của sản phẩm lâm nghiệp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, trong đó phát triển quy mô diện tích đất lâm nghiệp hình thành các vùng tập trung để có thể cung cấp khối lượng gỗ hàng hoá lớn hàng năm cho thị trường. Chú trọng liên kết, liên doanh giữa các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp lâm nghiệp với hộ gia đình để trồng rừng nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng quản lý rừng để thu hút lao động, tạo việc làm nâng cao đời sống cho người dân và cộng đồng dân cư, đảm bảo an sinh xã hội, bảo đảm kinh doanh rừng lâu dài, liên tục và đạt hiệu quả kinh tế cao. Duy trì, phát triển giá trị đa dạng sinh học, khả năng phòng hộ của rừng; bảo vệ môi trường sinh thái.

- Các nhà máy chế biến gỗ, đồ gỗ, viên nén...gắn với thực hiện liên kết trồng rừng nguyên liệu theo quy hoạch được duyệt, trong đó khuyến khích nhà máy ký hợp đồng trực tiếp với các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để trồng rừng, chăm sóc, thu mua sản phẩm có sự giám sát của chính quyền địa phương.

- Đối với các Ban quản lý rừng, tổ chức được nhà nước giao cấp đất hoặc quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng, lập phương án liên kết, liên doanh, nhất là các hộ gia đình được Nhà nước giao sử dụng đất lâm nghiệp để trồng rừng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, trình cơ quan thẩm quyền xem xét chấp thuận để làm căn cứ trước khi triển khai thực hiện hợp đồng kinh tế.

- Việc ký kết và thực hiện hợp đồng giữa người trồng rừng nguyên liệu với các cơ sở chế biến hoặc các chủ rừng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về

hợp đồng kinh tế, HĐ cung cấp, thu mua nguyên liệu phải trên cơ sở thỏa thuận giữa bên bán, bên mua được UBND cấp xã sở tại xác nhận (đối với trường hợp người cung cấp nguyên liệu là hộ gia đình, cá nhân).

- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi hình thành các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn trong đầu tư trồng rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; trong đó doanh nghiệp làm đầu mối, đầu tàu, làm trung tâm liên kết chuỗi sản xuất nhất là sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao: Gỗ XDCB, đồ gỗ, ván thanh ghép, viên gỗ nén, dăm gỗ, mây tre đan,...

d) Trong thủy sản, tập trung:

- Thiết lập hệ thống trong cộng đồng về mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xoá bỏ các hoạt động khai thác bất hợp pháp, không báo cáo sau mỗi chuyến biển theo quy định, nhất là thực hành quy định IUU của Liên minh Châu Âu (EC) về hướng dẫn xác nhận khai thác thủy sản.

- Tiếp tục nhân rộng thành lập tổ/đội sản xuất trên biển, nghiệp đoàn nghề cá, tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ; tổ đồng quản lý nuôi trồng thủy sản để quản lý sản xuất hiệu quả và bền vững.

- Phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi từ sản xuất giống thức ăn, nuôi trồng, chế biến, phân phối để đảm bảo nuôi thủy sản an toàn. Nhân rộng mô hình thí điểm chuỗi liên kết, khai thác, thu mua, chế biến và tiêu thụ cá ngừ của Công ty CP Bá Hải, tạo điều kiện thuận lợi việc liên doanh, liên kết sản xuất, giữa các doanh nghiệp với các hộ ngư dân, các cộng đồng ngư dân, trong đó nòng cốt là các doanh nghiệp chế biến thủy sản để gia tăng giá trị và phát triển bền vững lĩnh vực thủy sản.

- Khuyến khích xây dựng và triển khai nhân rộng các đề án tổ chức liên doanh liên kết giữa các tác nhân theo chuỗi giá trị sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực: Cá ngừ các loại, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm hùm gắn với thương hiệu các doanh nghiệp chế biến thủy sản do doanh nghiệp làm nòng cốt.

- Xây dựng hình thành và phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các cảng, bến cá.

- Tổ chức quản lý, tăng cường nhân lực, cơ sở vật chất cho lực lượng đăng ký đăng kiểm tàu cá, kiểm ngư, thú y; phân cấp quản lý cho cộng đồng địa phương các hoạt động khai thác hải sản, quản lý tài nguyên, môi trường, nguồn lợi thủy sản, truy xuất nguồn gốc thủy sản.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các tiêu chí Quốc gia nông thôn mới.

Phấn đấu đến năm 2020 có từ 57 xã trở lên được công nhận đạt chuẩn NTM, khoảng 02 đơn vị được công nhận cấp huyện đạt chuẩn NTM, không còn xã dưới 10/19 tiêu chí Quốc gia nông thôn mới, thực hiện bê tông hoá khoảng 1.200km đường giao thông nông thôn, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh cơ bản đạt 100%), thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn khoảng 45 triệu đồng/người/năm, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn.

Để thực hiện mục tiêu trên, nhiệm vụ trọng tâm là rà soát các tiêu chí của mỗi xã để phấn đấu theo hướng đạt chuẩn và tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các tiêu chí Quốc gia nông thôn mới, cụ thể sau:

a) Hoàn thành cơ bản hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (bê tông giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, nước sạch và VSMTNT, trường học các cấp, trạm y tế xã, nhà văn hóa và khu thể thao, chợ, nghĩa trang), nhất là đối với những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH và tăng hưởng thụ trực tiếp cho cư dân nông thôn.

b) Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong đó mở rộng liên kết theo chuỗi giá trị, theo từng lĩnh vực sản phẩm chủ lực của địa phương, gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, ứng dụng KHKT, bao gồm công nghệ cao nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm của địa phương, thu nhập cho người lao động và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

c) Củng cố và nâng cao hiệu quả các hình thức kinh tế tập thể, phát triển mạnh hơn các HTX sản xuất nông nghiệp kiểu mới theo lĩnh vực chuyên ngành, khuyến khích các tổ hợp tác phát triển thành HTX khi có đủ điều kiện để đẩy mạnh liên kết các hộ trong vùng nguyên liệu, cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến, tạo thành các chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

d) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn, trong đó nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc.

e) Tạo chuyển biến rõ nét về vệ sinh, môi trường, cảnh quan nông thôn theo hướng xanh – sạch – đẹp; trong đó tập trung xử lý vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, hạn chế ô nhiễm ở các làng nghề, làm đẹp cảnh quan các công trình công cộng, ở từng hộ và cộng đồng dân cư.

g) Nâng cao chất lượng an ninh, trật tự an toàn xã hội nông thôn, trong đó đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội.

h) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn; trong đó chú trọng các nội dung tổ chức SX, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, xây dựng đời sống văn hóa, môi trường sống, đảm bảo an ninh trật tự ngày càng tốt hơn để nông thôn mới phát triển bền vững.

5. Nâng cao chất lượng quy hoạch và tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch phát triển nông nghiệp và XDNTM từ tỉnh đến cơ sở.

a) Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiến hành rà soát bổ sung và xây dựng mới quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế và tiềm năng trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

b) UBND các huyện TX, TP, trên cơ sở quy hoạch tổng thể ngành và sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở địa phương phù hợp với thực tế.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch được phê duyệt gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn, hài hòa với phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển tại cấp xã.

c) Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý chặt chẽ các quy hoạch được phê duyệt, trong đó tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong xây dựng, thẩm định, phê duyệt, đảm bảo phát huy lợi thế so sánh của vùng, gắn với sản xuất, chế biến với thị trường, gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp với phát triển các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp, gắn phát triển xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu; loại bỏ các “dự án treo”, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Xác lập danh mục gọi vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, vốn FDI, vốn theo hình thức đối tác công tư PPP vào lĩnh vực ngành nông nghiệp, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo động lực cho quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với XDNTM được triển khai đúng hướng, hiệu quả.

6. Nâng cao năng lực hiệu quả quản lý, điều hành thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

a) Về kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và sự nghiệp ngành nông nghiệp:

- Kiện toàn việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức sự nghiệp công lập ngành Nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện và đồng hành cùng các doanh nghiệp, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu, đáp ứng hiệu quả sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và cung cấp các dịch vụ công, tạo thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân trong quá trình quan hệ, giao dịch với cơ quan nhà nước ngành nông nghiệp.

- Đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp ngành nông nghiệp, cùng với việc tăng cường năng lực cho các đơn vị sự nghiệp, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; nhất là các bộ phận dịch vụ các trại sản xuất thực nghiệm của các Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng, vật nuôi, thủy sản, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quy hoạch thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn...

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng, tiêu chuẩn đối với công chức, viên chức, xác định vị trí việc làm, áp dụng cơ chế điều động, luân chuyển công chức, viên chức trong hệ thống ngành phù hợp với từng lĩnh vực. Đào tạo bồi dưỡng theo quy định chung để đảm bảo tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, nhằm phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực ngành, xây dựng đội ngũ chuyên gia và nhà khoa học giỏi trong từng lĩnh vực, xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ nông nghiệp, nông thôn bắt kịp với nhu cầu phát triển thời hội nhập; tranh thủ sự tư vấn, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và XDNTM.

- Tăng cường năng lực thanh tra chuyên ngành, quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; chủ động kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, liên quan đến chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, để tạo niềm tin của người dân.

b) Nâng cao chất lượng đối với cán bộ quản lý HTX, tổ hợp tác:

Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn cho cán bộ quản lý HTX, tổ hợp tác; phát hiện tổng kết các mô hình thực tiễn về kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ chức liên kết sản xuất để phổ biến nhân rộng thông qua các chương trình bồi dưỡng, tập huấn, phù hợp.

c) Nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành quản lý thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và tiếp tục thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó:

- Thành lập Ban Chỉ đạo tái cơ cấu ngành và bộ máy giúp việc cấp sở, cấp huyện theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu tổ chức XD triển khai, theo dõi, đánh giá kết quả và chỉ đạo quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành của tỉnh và cấp huyện.

- Kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện và hoàn thiện bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo quy định tại Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Phân cấp quản lý cho UBND cấp huyện trong phân bổ, khai thác, lồng ghép các nguồn lực và tổ chức thực hiện XDNTM trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xét công nhận đạt chuẩn NTM; giám sát của Ban Chỉ đạo đối với việc thực hiện ở cấp dưới để đảm bảo sự phát triển đúng hướng và có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

7. Đa dạng hoá các nguồn lực thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và XDNTM mới.

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sau:

- Tăng cường xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó nguồn ngân sách TW và ngân sách địa phương vẫn là nguồn lực tiên quyết nhưng sẽ giảm dần tỷ trọng đầu tư và tập trung vào các lĩnh vực mà khả năng thu hồi vốn không cao hoặc không thể huy động của tư nhân.

Vốn ngân sách đầu tư cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn ưu tiên thực hiện: Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA được cam kết; đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên; các dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh...

Nguồn vốn đầu tư tư nhân bao gồm các doanh nghiệp, chủ trang trại và hộ nông ngư dân, đây là nguồn lực lớn và sẽ nâng dần tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp nông thôn thông qua các cơ chế chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, nhất là các nhà đầu tư lớn đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, chế biến, liên kết sản xuất và thu mua nông sản của nông dân như lúa gạo chất lượng cao,

ngô, bò thịt, bò sữa, lợn, cá ngừ đại dương, gỗ rừng trồng, các dự án hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn...

- Tăng cường thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông lâm thủy sản theo hình thức đối tác công tư (PPP); tìm kiếm, thu hút nhà đầu tư chiến lược trong từng sản phẩm nông nghiệp làm đầu tàu dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển các sản phẩm nông nghiệp và của các doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhất là:

- + Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, (trong đó các doanh nghiệp tổ chức đầu mối liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp được vay tín chấp lên tới 80% giá trị của dự án, trường hợp gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, các đối tượng này được tổ chức tín dụng xem xét cơ cấu lại nợ, khoan nợ, xóa nợ);

- + Các Nghị định của Chính phủ: số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 về một số chính sách phát triển thủy sản; số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích tư nhân tổ chức sản xuất, chế biến, dịch vụ, công nghệ, thủy lợi nội đồng, thương mại... từng bước chuyển việc cung cấp một số dịch vụ công cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện.

- + Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

- Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó:

- + Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững... cho các xã đặc biệt khó khăn, các xã bãi ngang ven biển và hải đảo có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã dưới 10 tiêu chí; hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường. Tiếp tục lồng ghép và thực hiện có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách để xây dựng nông thôn mới;

- + Huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, vận động đóng góp từ người dân, nhưng tránh việc huy động quá mức hoặc xây dựng cơ bản không có nguồn lực bảo đảm dẫn đến nợ đọng, không có khả năng thanh toán.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai kế hoạch này, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai trong từng lĩnh vực.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tế.
- Phân công đơn vị chức năng theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố vận động nhân dân tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và tích cực hưởng ứng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên, Báo Phú Yên, các cơ quan thông tin đại chúng, công thông tin điện tử UBND tỉnh, các trang website các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng nội dung tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh.

5. Định kỳ hàng năm (từ ngày 18/11 đến 20/11) các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; trong đó nêu rõ kết quả những việc làm được, những việc chưa làm được, đề xuất giải pháp và kiến nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan trước ngày 01/12 hàng năm.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế.

(Đính kèm Phụ lục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Kế hoạch)./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Mặt trận và các ĐT tỉnh;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, H_g, T_o.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Trà